Mã chương: 822

Mã hồ sơ: DCSD2[illegible]2899-1321007825

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 4
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 26

Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1132899

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực V-PGD số 4

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cảo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9=5-7
13	071	00000	0	9.740.000.000	9.712.000.000	9.712.000.000	9.712.000.000	1.746.981.893	6.614.464.750	0	3.097.535.250
18	071	00000	0	518.000.000	0	518.000.000	518.000.000	259.000.000	259.000.000	0	259.000.000
12	071	00000	0	1.061.000.000	0	1.061.000.000	1.061.000.000	1.061.000.000	1.061.000.000	0	0
28	071	00000	0	0	0	0	0	0	0	28.000.000	0
		Cộng:	0	11.319.000.000	9.712.000.000	11.291.000.000	11.291.000.000	3.066.981.893	7.934.464.750	28.000.000	3.356.535.250
Phần KBNN ghi:											
13	071	00000	0	9.740.000.000	-28.000.000	9.712.000.000	9.712.000.000	1.746.981.893	6.614.464.750	0	3.097.535.250

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN: Nguồn 13 cột 3 số liệu đơn vị không khớp với kho bạc

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2026

Kế toán — *(Ký tên)*

Kiểm soát — *(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng — *(Ký, ghi họ tên)*

Thủ trưởng đơn vị — *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Thu01 Tran Hanh

Người ký: Sau01 Le Thi
Ngày ký: 06/10/2026 09:08:24
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 4

Sau01 Le Thi

Người ký: Trần Thị Lành
Ngày ký: 05/10/2026 15:51:33
Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Trần Thị Lành

Người ký: Vũ Thị Thu Thuỷ
Ngày ký: 05/10/2026 15:58:33
Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Vũ Thị Thu Thuỷ

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Mã ĐVQHNS: 1132899

Mã cấp NS: 4

Kho bạc Nhà nước giao dịch: KBNN Khu vực V-PGD số 4

Mã hồ sơ: CSDL26-1132899-1321007709

Chức danh: Kế toán trưởng
số 4
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 28

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	882.660.716	3.356.573.317	882.660.716	3.356.573.317
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	18.975.000	72.176.782	18.975.000	72.176.782
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	397.385.866	1.247.626.662	397.385.866	1.247.626.662
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	1.012.000	3.820.000	1.012.000	3.820.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	119.413.350	446.394.244	119.413.350	446.394.244
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	189.746.009	722.188.581	189.746.009	722.188.581
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	32.493.600	123.760.900	32.493.600	123.760.900
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	10.831.202	41.206.334	10.831.202	41.206.334
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	0	75.255.868	0	75.255.868
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	0	28.821.760	0	28.821.760
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	0	6.108.878	0	6.108.878
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	897.000	6.651.000	897.000	6.651.000

Khác	13	071	6649	00000	0	0	0	24.234.000	0	24.234.000
Khoán công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	0	7.300.000	0	7.300.000
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	71.527.150	312.286.944	71.527.150	312.286.944
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	4.040.000	8.666.000	4.040.000	8.666.000
Chi phí thuê mướn khác	13	071	6799	00000	0	0	0	6.480.000	0	6.480.000
Nhà cửa	13	071	6907	00000	0	0	0	5.184.000	0	5.184.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	0	9.745.920	0	9.745.920
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6956	00000	0	0	0	18.200.000	0	18.200.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	0	5.724.000	0	5.724.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	0	18.461.560	0	18.461.560
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	0	49.598.000	0	49.598.000
Mua, gia hạn bản quyền phần mềm công nghệ thông tin, công nghệ số	13	071	7053	00000	0	0	18.000.000	18.000.000	18.000.000	18.000.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	1.061.000.000	1.061.000.000	1.061.000.000	1.061.000.000
Thưởng thường xuyên	18	071	6201	00000	0	0	259.000.000	259.000.000	259.000.000	259.000.000
				Cộng:	0	0	3.066.981.893	7.934.464.750	3.066.981.893	7.934.464.750
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán **Kiểm soát**

(Ký tên) *(Ký tên, đóng dấu)*

Thu01 Tran Hanh

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi họ tên) *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Người ký: Sau01 Le Thi
Ngày ký: 05-10-2026 10:35:14
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 4

Sau01 Le Thi

Người ký: Trần Thị Lành
Ngày ký: 05/10/2026 08:10:19
Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Trần Thị Lành

Người ký: Vũ Thị Thu Thuỷ
Ngày ký: 05/10/2026 08:10:15
Đơn vị: Trường Mầm non Thống Nhất

Vũ Thị Thu Thuỷ